

Số: /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về công nhận, quản lý và phát triển phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu trọng điểm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 tháng 2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-ĐHQGHN ngày 16 tháng 01 năm 2015 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ở ĐHQGHN;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức Cán bộ và Trưởng Ban Khoa học Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công nhận, quản lý và phát triển phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu trọng điểm cấp ĐHQGHN.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Văn bản số 1666/HD-ĐHQGHN ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Giám đốc ĐHQGHN hướng dẫn về xây dựng và phát triển phòng thí nghiệm trọng điểm trong ĐHQGHN.

Điều 3. Chánh Văn phòng, trưởng ban chức năng, thủ trưởng đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc ĐHQGHN và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- PGĐ ĐHQGHN N.H.Hải;
- Lưu: VT, TCCB, B50.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Bảo Sơn

**QUY ĐỊNH
VỀ CÔNG NHẬN, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN PHÒNG THÍ NGHIỆM
TRỌNG ĐIỂM, TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TRỌNG ĐIỂM
CẤP ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHQGHN ngày tháng năm 2021
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc công nhận, quản lý và phát triển phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu trọng điểm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) (sau đây viết tắt là: PTNTĐ, TTNCTĐ).

2. Quy định này áp dụng đối với các nhà khoa học (giảng viên, nghiên cứu viên), tổ chức khoa học và công nghệ (KH&CN), đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc ĐHQGHN, các cá nhân, tổ chức có liên quan trong việc công nhận, quản lý và phát triển PTNTĐ, TTNCTĐ.

Điều 2. Vị trí pháp lý

1. PTNTĐ, TTNCTĐ là tổ chức KH&CN trực thuộc đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc ĐHQGHN (sau đây gọi chung là đơn vị), đi đầu trong triển khai các nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và sản xuất thử nghiệm, thương mại hóa, khởi nghiệp; là nơi quy tụ và bồi dưỡng nhà khoa học trình độ cao, xuất sắc; được hưởng các cơ chế, chính sách đầu tư trọng điểm, vun cao của ĐHQGHN.

2. PTNTĐ, TTNCTĐ được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật có liên quan, của đơn vị quản lý trực tiếp và của Quy định này.

Điều 3. Trách nhiệm

1. Tổ chức triển khai nghiên cứu khoa học có tính nền tảng, tiên phong, phù hợp với chiến lược phát triển KH&CN của đơn vị và của ĐHQGHN; phát triển sản phẩm KH&CN trọng điểm quốc gia theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội và tiến bộ KH&CN trên thế giới.

2. Quy tụ và phát triển đội ngũ nhà khoa học xuất sắc; tạo môi trường hoạt động KH&CN thuận lợi, có tính hợp tác và hội nhập quốc tế cao.

3. Quản lý và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị của PTNTĐ, TTNCTĐ.

4. Tham gia các hoạt động đào tạo đại học và sau đại học trong ĐHQGHN.

Điều 4. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: “PTNTĐ, TTNCTĐ cấp ĐHQGHN về <tên lĩnh vực>”.

2. Tên tiếng Anh: “VNU key laboratory/VNU key research center of <tên lĩnh vực bằng tiếng Anh>”.

Chương II

TIÊU CHÍ CÔNG NHẬN

Điều 5. Tiêu chí đối với Giám đốc phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu trọng điểm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Tiêu chí chung

a) Có học vị tiến sĩ trở lên.

b) Đã hoặc đang là trưởng nhóm nghiên cứu mạnh hoặc trưởng bộ môn hay tổ chức KH&CN cấp tương đương trở lên.

c) Đã hướng dẫn thành công 02 tiến sĩ.

d) Đã là chủ nhiệm 02 nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia hoặc nhiệm vụ KH&CN hợp tác quốc tế được nghiệm thu thành công.

2. Tiêu chí riêng

a) Đối với Giám đốc PTNTĐ, TTNCTĐ theo định hướng nghiên cứu cơ bản cần đạt 01 trong các tiêu chí sau:

- Là tác giả chính hoặc tác giả liên hệ của 04 bài báo quốc tế thuộc danh mục cơ sở dữ liệu WoS/Scopus và thuộc nhóm tạp chí Q1 theo phân loại của Scimago.

- Là chủ biên hoặc đồng chủ biên của 02 sách chuyên khảo thuộc danh mục Scopus.

b) Đối với Giám đốc PTNTĐ, TTNCTĐ theo định hướng nghiên cứu ứng dụng cần đạt 01 trong các tiêu chí sau:

- Có 02 sản phẩm KH&CN được ký hợp đồng kinh tế với đối tác.

- Có 02 đơn xin cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp được chấp nhận.

- Có 02 sản phẩm công nghệ hoàn chỉnh ứng dụng thực tiễn hoặc 02 sản phẩm giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội hoặc 02 báo cáo tư vấn chính sách được ứng dụng tại các Ban của Đảng, Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

c) Đối với Giám đốc PTNTĐ, TTNCTĐ theo định hướng sản xuất thử

nghiệm, thương mại hóa, khởi nghiệp cần đạt 01 trong các tiêu chí sau:

- Đã thương mại hóa được 02 sản phẩm KH&CN với kinh phí từ 200 triệu đồng trở lên.

- Có sản phẩm hình thành được doanh nghiệp (spin-off, start-up) hoặc tham gia chuỗi giá trị hàng hóa của một hệ sinh thái.

3. Các trường hợp đặc biệt do Giám đốc ĐHQGHN quyết định.

Điều 6. Tiêu chí đối với phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu trọng điểm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội

Trong 05 năm gần nhất cần đáp ứng 04 nhóm năng lực sau:

1. Năng lực tạo sản phẩm

a) Đối với PTNTĐ, TTNCTĐ theo định hướng nghiên cứu cơ bản cần đạt 01 trong các tiêu chí sau:

- Có số bài báo thuộc danh mục cơ sở dữ liệu WoS/Scopus đạt tỉ lệ trung bình tối thiểu 2,2 bài báo/cán bộ/năm.

- Có số sách chuyên khảo chất lượng cao đạt tỉ lệ trung bình tối thiểu 0,5 sách/cán bộ/năm.

b) Đối với PTNTĐ, TTNCTĐ theo định hướng nghiên cứu ứng dụng cần đạt 01 trong các tiêu chí sau:

- Có số đơn xin cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp được chấp nhận đạt tỉ lệ trung bình tối thiểu 0,2 đơn/cán bộ/năm.

- Có 01 sản phẩm công nghệ cao hoặc sản phẩm quốc gia trong danh mục hiện hành của Bộ KH&CN.

- Có ít nhất 02 báo cáo tư vấn được các Ban của Đảng, Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đưa vào ứng dụng, triển khai.

c) Đối với PTNTĐ, TTNCTĐ theo định hướng sản xuất thử nghiệm, thương mại hóa, khởi nghiệp cần đạt 01 trong các tiêu chí sau:

- Có trung bình tối thiểu 02 hợp đồng chuyển giao, dịch vụ KH&CN hoặc thương mại hóa sản phẩm KH&CN/năm.

- Có sản phẩm công nghệ chủ lực được chuyển giao và thu được doanh thu ít nhất 200 triệu đồng.

- Có 02 sản phẩm KH&CN lỗi góp phần hình thành được doanh nghiệp (spin-off, start-up) hoặc tham gia chuỗi giá trị hàng hóa của một hệ sinh thái.

2. Năng lực hợp tác KH&CN cần đạt 01 trong các tiêu chí sau:

a) Có ít nhất 02 nhiệm vụ KH&CN có phối hợp nghiên cứu chung với đối tác trong nước hoặc quốc tế được triển khai.

b) Có thành viên (của PTNTĐ, TTNCTĐ) là chuyên gia của các tổ chức sở hữu trí tuệ quốc tế hoặc thành viên tổ tư vấn chính phủ hoặc chuyên gia kinh tế hoặc kiến trúc sư trưởng trong một số ngành và lĩnh vực, hoặc chuyên gia cao cấp.

3. Năng lực tham gia đào tạo

a) Có thành viên là cán bộ hướng dẫn chính ít nhất 02 nghiên cứu sinh đã bảo vệ luận án thành công cấp cơ sở.

b) Có thành viên tham gia hoạt động đào tạo tại các đơn vị, hoặc phụ trách ít nhất 01 học phần trong chương trình đào tạo sau đại học hoặc được giao chủ trì hoặc tham gia xây dựng ít nhất 01 chương trình đào tạo sau đại học mới.

4. Năng lực cạnh tranh

Đạt 01 trong các tiêu chí sau:

a) Có ít nhất 02 giải thưởng KH&CN cấp Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

b) Có sản phẩm KH&CN tham gia các triển lãm hoặc cuộc thi đổi mới sáng tạo trong nước và quốc tế.

c) Đấu thầu thành công các nhiệm vụ KH&CN các cấp, đạt tỷ lệ trung bình 200 triệu đồng/cán bộ/năm trở lên.

5. Các trường hợp đặc biệt do Giám đốc ĐHQGHN quyết định.

Chương III

QUY TRÌNH CÔNG NHẬN

Điều 7. Đề án đề nghị công nhận

1. Đề án đề nghị công nhận PTNTĐ, TTNCTĐ gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh sự cần thiết công nhận PTNTĐ, TTNCTĐ

- Bối cảnh đề nghị công nhận.

- Cơ sở pháp lý.

- Cơ sở thực tiễn (về tình hình nhân lực, cơ sở vật chất, kết quả hoạt động KH&CN, hiệu quả hợp tác).

b) Thông tin về PTNTĐ, TTNCTĐ

- Tên gọi, địa chỉ, đơn vị quản lý trực tiếp, thông tin nhân sự lãnh đạo, quản lý đề xuất cho PTNTĐ, TTNCTĐ.

- Tầm nhìn, chiến lược, phạm vi hoạt động.

- Mục tiêu (dài hạn, ngắn hạn).

- Định hướng nghiên cứu, sản phẩm.

- Kế hoạch hoạt động và dự kiến sản phẩm giai đoạn 05 năm.
 - Phương án tổ chức thực hiện và lộ trình triển khai hoạt động của PTNTĐ, TTNCTĐ, phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy định này.
 - Kế hoạch đề nghị đầu tư (nêu rõ yêu cầu về nguồn vốn đầu tư của đơn vị quản lý trực tiếp và ĐHQGHN).
- c) Báo cáo giải trình về việc đáp ứng các tiêu chí công nhận PTNTĐ, TTCNTĐ theo quy định của ĐHQGHN
- Đối với PTNTĐ, TTNCTĐ mới được thành lập trên cơ sở nhóm nghiên cứu mạnh, các tiêu chí nêu tại Điều 6 Quy định này được xem xét dựa trên sản phẩm KH&CN của các thành viên và của nhóm nghiên cứu theo khung thời gian quy định.
- d) Kiến nghị của đơn vị xây dựng Đề án PTNTĐ, TTNCTĐ.
- đ) Lý lịch khoa học của nhân sự lãnh đạo, quản lý đề xuất cho PTNTĐ, TTNCTĐ.

Điều 8. Tổ chức thẩm định và công nhận

1. Trách nhiệm và thẩm quyền thẩm định, công nhận PTNTĐ, TTNCTĐ
 - a) Đơn vị xây dựng Đề án, trình ĐHQGHN tổ chức thẩm định các tiêu chí của PTNTĐ, TTNCTĐ.
 - b) Ban Khoa học - Công nghệ làm đầu mối, phối hợp với các Ban chức năng có liên quan tổ chức thẩm định các tiêu chí của PTNTĐ, TTNCTĐ theo Điều 5, Điều 6 Quy định này. Căn cứ kết quả thẩm định, Giám đốc ĐHQGHN ban hành quyết định công nhận PTNTĐ, TTNCTĐ.
2. Quyết định công nhận PTNTĐ, TTNCTĐ có hiệu lực trong thời hạn 05 năm.
3. Kết thúc thời hạn 05 năm kể từ ngày được công nhận là PTNTĐ, TTNCTĐ, ĐHQGHN tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động của PTNTĐ, TTNCTĐ. Việc đánh giá hiệu quả hoạt động của PTNTĐ, TTNCTĐ thực hiện theo quy định tại Điều 18 Quy định này. Kết quả đánh giá là căn cứ đề xuất Giám đốc ĐHQGHN về việc tiếp tục công nhận hoặc chấm dứt tư cách PTNTĐ, TTNCTĐ.

Chương IV

CHÍNH SÁCH, CƠ CHẾ QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN

Điều 9. Về tổ chức bộ máy

1. Tổ chức bộ máy của PTNTĐ, TTNCTĐ đảm bảo nguyên tắc tinh gọn, hiệu quả, chuyên nghiệp, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc và khả năng tài chính của PTNTĐ, TTNCTĐ.
2. Giám đốc PTNTĐ, TTNCTĐ xây dựng phương án tổ chức bộ máy và trình thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp quyết định theo các quy định hiện hành.

Điều 10. Về cơ chế phối thuộc

1. PTNTĐ, TTNCTĐ có số lượng cán bộ cơ hữu dưới 15 người được tổ chức phối thuộc với đơn vị đào tạo cấp khoa theo quyết định của thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển chuyên môn và nguồn nhân lực của PTNTĐ, TTNCTĐ.

PTNTĐ, TTNCTĐ có số lượng cán bộ cơ hữu từ đủ 15 người trở lên có thể đề xuất thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định áp dụng cơ chế phối thuộc.

2. PTNTĐ, TTNCTĐ được quyền chủ động và chịu trách nhiệm với thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp về công tác chuyên môn, bộ máy tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản và hợp tác phát triển của PTNTĐ, TTNCTĐ.

3. Nhân sự của PTNTĐ, TTNCTĐ sinh hoạt cùng các tổ chức Đảng, đoàn thể của tổ chức phối thuộc theo quy định. Các hoạt động hành chính khác (đánh giá cán bộ, viên chức và người lao động; thi đua khen thưởng, kỷ luật...) của PTNTĐ, TTNCTĐ được thực hiện chung với tổ chức phối thuộc. Quy trình bổ nhiệm, đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý PTNTĐ, TTNCTĐ được thực hiện như với cán bộ lãnh đạo, quản lý của tổ chức phối thuộc.

4. PTNTĐ, TTNCTĐ và tổ chức phối thuộc xây dựng quy chế phối hợp trong khai thác, sử dụng và chia sẻ cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ nhân lực phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học; báo cáo thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp cho ý kiến trước khi tiến hành ký kết và kiểm tra giám sát trong quá trình thực hiện. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của PTNTĐ, TTNCTĐ được tính vào kết quả thực hiện nhiệm vụ chung của tổ chức phối thuộc.

Điều 11. Về nhân sự lãnh đạo, quản lý

1. Thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp được ký hợp đồng thuê hoặc mời Giám đốc PTNTĐ, TTNCTĐ sau khi có ý kiến đồng ý của Giám đốc ĐHQGHN. Việc ký hợp đồng thuê hoặc mời Giám đốc PTNTĐ, TTNCTĐ chỉ được áp dụng đối với PTNTĐ, TTNCTĐ thực hiện cơ chế phối thuộc theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

2. PTNTĐ, TTNCTĐ có thể có Đồng Giám đốc là nhà khoa học nước ngoài có uy tín, do thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp công nhận sau khi có ý kiến đồng ý của Giám đốc ĐHQGHN. Đồng Giám đốc PTNTĐ, TTNCTĐ chịu trách nhiệm trước thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp về các mảng công tác được phân công, phụ trách.

Điều 12. Về nhân sự làm việc

1. Nhân sự của PTNTĐ, TTNCTĐ gồm:

a) Cán bộ cơ hữu là cán bộ nghiên cứu chủ chốt, kỹ thuật viên trình độ cao và cán bộ quản lý PTNTĐ, TTNCTĐ với số lượng hợp lý và do thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp quyết định trên cơ sở đề xuất của Giám đốc PTNTĐ, TTNCTĐ.

b) Cộng tác viên được Giám đốc PTNTĐ, TTNCTĐ mời tham gia hợp tác nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ trên cơ sở hợp đồng căn cứ vào nhu cầu của các nhiệm vụ KH&CN cụ thể và đề nghị của các phòng chuyên môn.

c) Các nghiên cứu sinh (NCS) làm việc theo chế độ như nghiên cứu viên cơ hữu.

2. Bên cạnh các chính sách theo quy định chung, nhân sự của PTNTĐ, TTNCTĐ được hưởng các cơ chế, chính sách sau:

a) PTNTĐ, TTNCTĐ được ĐHQGHN, đơn vị quản lý trực tiếp hỗ trợ về cơ chế và các nguồn lực để thực hiện chính sách thu hút các nhà khoa học xuất sắc ở trong và ngoài nước đến làm việc.

b) Các nhà khoa học tại PTNTĐ, TTNCTĐ được đơn vị quản lý trực tiếp ưu tiên mời tham gia giảng dạy các chương trình đào tạo sau đại học và hướng dẫn NCS và học viên cao học.

c) NCS đăng ký sinh hoạt chuyên môn hoặc làm việc toàn thời gian tại PTNTĐ, TTNCTĐ được hưởng chính sách học bổng của ĐHQGHN hoặc của đơn vị quản lý trực tiếp.

Điều 13. Về tài chính

PTNTĐ, TTNCTĐ được hưởng các cơ chế tài chính đặc thù sau:

a) Được đầu tư ban đầu về trang thiết bị, điều kiện nghiên cứu theo Đề án PTNTĐ, TTNCTĐ được ĐHQGHN thẩm định, phê duyệt.

b) Được ưu tiên tiếp cận với các chương trình, đề tài, dự án KH&CN quan trọng của ĐHQGHN; được ĐHQGHN giới thiệu tham gia các đề tài, dự án KH&CN trọng điểm trong nước và quốc tế.

c) Được ĐHQGHN xem xét bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng cho PTNTĐ, TTNCTĐ thông qua dự toán chung của các đơn vị quản lý trực tiếp.

d) Được ưu tiên tiếp cận nguồn tài chính từ:

- Các hợp đồng tư vấn, chuyển giao, dịch vụ KH&CN trong và ngoài nước.
- Các đề tài, đề án, nhiệm vụ KH&CN các cấp.

- Các dự án đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất có PTNTĐ, TTNCTĐ là đơn vị thụ hưởng.

đ) Được xem xét ưu tiên áp dụng cơ chế tài chính theo mô hình khoán đến sản phẩm cuối cùng.

Điều 14. Về trách nhiệm quản lý

1. Trách nhiệm của ĐHQGHN

a) Thực hiện ở cấp ĐHQGHN và chỉ đạo các đơn vị xây dựng định hướng, quy hoạch, kế hoạch xây dựng, phát triển các PTNTĐ, TTNCTĐ.

b) Hướng dẫn tổ chức công nhận và quản lý, phát triển các PTNTĐ, TTNCTĐ theo mục tiêu, nhiệm vụ nêu tại Quy định này và các quy định pháp luật liên quan.

c) Hằng năm, tổ chức thẩm định và phê duyệt phương án kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng cho PTNTĐ, TTNCTĐ thông qua dự toán chung của các đơn vị quản lý trực tiếp.

2. Trách nhiệm của các đơn vị

a) Đăng ký và xây dựng Đề án đề nghị công nhận PTNTĐ, TTNCTĐ.

b) Quản lý và hỗ trợ PTNTĐ, TTNCTĐ hoạt động theo các mục tiêu, nhiệm vụ được xác định sau khi được ĐHQGHN công nhận.

c) Tổ chức tuyển chọn Giám đốc PTNTĐ, TTNCTĐ và thực hiện quy trình bổ nhiệm theo đúng quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước và của ĐHQGHN.

d) Phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và vị trí việc làm của PTNTĐ, TTNCTĐ.

đ) Hằng năm tổng hợp dự toán kinh phí hoạt động của PTNTĐ, TTNCTĐ vào dự toán chung của đơn vị và gửi ĐHQGHN xem xét, phê duyệt. Bố trí kinh phí bổ sung trong thẩm quyền của đơn vị để hỗ trợ PTNTĐ, TTNCTĐ, đảm bảo phát triển hoạt động chuyên môn của PTNTĐ, TTNCTĐ.

e) Huy động và ưu tiên tối đa các nguồn lực về cơ sở vật chất, tài chính và nhân lực cho PTNTĐ, TTNCTĐ thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

g) Kiểm tra, giám sát thường xuyên và hằng năm hoạt động của PTNTĐ, TTNCTĐ; báo cáo ĐHQGHN tình hình hoạt động của các PTNTĐ, TTNCTĐ thuộc đơn vị trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

3. Trách nhiệm của tổ chức phối thuộc

a) Phối hợp, thực hiện có hiệu quả mô hình phối thuộc với các PTNTĐ, TTNCTĐ.

b) Tăng cường trao đổi, tạo điều kiện thuận lợi trong sử dụng nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị dùng chung với PTNTĐ, TTNCTĐ trong công tác giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Chương V

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 15. Mục đích đánh giá

1. Đánh giá PTNTĐ, TTNCTĐ là việc xem xét toàn diện các tiêu chí công nhận quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy định này và về hoạt động của PTNTĐ, TTNCTĐ, bao gồm: Sự phù hợp về nội dung hoạt động so với định hướng, mục tiêu của PTNTĐ, TTNCTĐ; các kết quả nghiên cứu, đào tạo và sử dụng cán bộ nghiên cứu; công tác tổ chức, quản lý hoạt động và trao đổi, hợp tác nghiên cứu của PTNTĐ, TTNCTĐ.

2. Đánh giá PTNTĐ, TTNCTĐ nhằm xác định mức độ đạt được các mục tiêu phát triển, phát hiện các khó khăn, vướng mắc trong vận hành và đề xuất các giải pháp quản lý thích hợp giúp cho PTNTĐ, TTNCTĐ nâng cao hiệu quả hoạt động để đạt được các mục tiêu đã đặt ra của PTNTĐ, TTNCTĐ.

Điều 16. Yêu cầu về đánh giá

1. Việc đánh giá PTNTĐ, TTNCTĐ phải bảo đảm nguyên tắc công bằng, độc lập, hiệu quả.

2. Việc đánh giá PTNTĐ, TTNCTĐ được thực hiện bằng phương pháp chuyên gia thông qua Hội đồng đánh giá.

3. Việc đánh giá mức hoàn thành nhiệm vụ được tiến hành đột xuất và thường xuyên hằng năm do đơn vị quản lý trực tiếp thực hiện, báo cáo ĐHQGHN để theo dõi.

4. ĐHQGHN tổ chức đánh giá định kỳ 05 năm một lần đối với PTNTĐ, TTNCTĐ. Trong trường hợp cần thiết, có thể tổ chức đánh giá đột xuất theo yêu cầu thực tiễn.

Điều 17. Tổ chức Hội đồng đánh giá

Hội đồng đánh giá do Giám đốc ĐHQGHN quyết định thành lập, có từ 07 đến 09 thành viên (gồm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng). Thành viên Hội đồng là các cán bộ lãnh đạo, quản lý của ĐHQGHN, của đơn vị và các nhà khoa học ở trong và ngoài ĐHQGHN có chuyên môn sâu, am hiểu rộng và có uy tín trong cộng đồng nghiên cứu thuộc lĩnh vực hoạt động của PTNTĐ, TTNCTĐ được đánh giá.

Điều 18. Nội dung đánh giá

1. Việc đáp ứng các tiêu chí công nhận PTNTĐ, TTNCTĐ thực hiện theo Điều 5, Điều 6 Quy định này.

2. Kết quả hoạt động của PTNTĐ, TTNCTĐ

a) Kết quả nghiên cứu; số lượng và chất lượng các công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí, ấn phẩm chuyên ngành trong nước và thế giới; số

lượng các sáng chế, sản phẩm KH&CN được cấp văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ và kết quả ứng dụng trong thực tiễn căn cứ chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

b) Kết quả đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của đội ngũ nhà khoa học; kết quả tham gia hoặc tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.

c) Công tác quản lý và vận hành; tình hình tài chính; thực trạng sử dụng và khai thác các trang thiết bị và cơ sở vật chất của PTNTĐ, TTNCTĐ.

d) Vai trò của Giám đốc PTNTĐ, TTNCTĐ và các nhà khoa học xuất sắc trong việc đề xuất và tổ chức thực hiện các ý tưởng khoa học, các giải pháp công nghệ, hiệu quả kinh tế đạt được; kết quả thu hút các nhà khoa học, các tổ chức đến làm việc và số lượng các đơn đặt hàng của các cơ quan nghiên cứu và của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

đ) Đánh giá chung kết quả hoạt động của PTNTĐ, TTNCTĐ theo các định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ tại quy định này.

Điều 19. Xử lý kết quả đánh giá

1. Ban Khoa học Công nghệ là đầu mối, phối hợp với các Ban chức năng có liên quan tổ chức theo dõi, tiến hành kiểm tra, đánh giá định kỳ hoạt động của PTNTĐ, TTNCTĐ.

2. Sau khi đánh giá, PTNTĐ, TTNCTĐ đạt các tiêu chí theo Quy định này sẽ tiếp tục hoạt động với tư cách PTNTĐ, TTNCTĐ trong thời hạn 05 năm tiếp theo.

3. Chấm dứt tư cách PTNTĐ, TTNCTĐ

a) Sau khi đánh giá, nếu PTNTĐ, TTNCTĐ được xác định không đáp ứng đủ các tiêu chí nêu tại Điều 5, Điều 6 Quy định này hoặc bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn 05 năm hoặc không hoàn thành nhiệm vụ ít nhất 03 năm trong giai đoạn 05 năm đánh giá, Giám đốc ĐHQGHN sẽ quyết định chấm dứt tư cách là PTNTĐ, TTNCTĐ.

b) Sau khi bị chấm dứt tư cách PTNTĐ, TTNCTĐ, tổ chức và hoạt động của các tổ chức KH&CN này được thực hiện theo các quy định có liên quan của ĐHQGHN và của đơn vị quản lý trực tiếp.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Quy định chuyển tiếp

PTNTĐ, TTNCTĐ đã được thành lập hoặc công nhận trước khi Quy định này được ban hành, thì trong thời hạn 12 tháng kể từ khi Quy định này có hiệu lực, phải được tổ chức đánh giá theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 và kết quả đánh giá được xác định theo Điều 19 Quy định này.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này gồm 6 chương, 21 điều và có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện, Quy định này có thể được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp và đảm bảo đúng quy trình. Việc bổ sung, sửa đổi Quy định này do Giám đốc ĐHQGHN quyết định trên cơ sở đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức Cán bộ và Trưởng Ban Khoa học - Công nghệ./.